

Số: /2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 6 năm 2026

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;*

*Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 141/BC-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030 (*Chương trình*) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các xã, phường và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

## **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ**

1. Việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện phân bổ vốn theo nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và bền vững; ưu tiên bố trí vốn cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn An toàn khu, khu vực biên giới, xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Việc phân bổ vốn phải bảo đảm cân đối, hợp lý giữa các hợp phần của Chương trình; phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển của từng địa phương và mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đồng thời phát huy tính chủ động, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quản lý, sử dụng nguồn vốn được giao.

3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn.

4. Việc phân bổ vốn phải bảo đảm không trùng lặp giữa các nội dung thuộc 02 hợp phần của Chương trình và với nội dung hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác thực hiện trên cùng địa bàn; đồng thời phù hợp với tổ chức hành chính hai cấp (tỉnh - xã).

5. Ngân sách địa phương bảo đảm bố trí đủ vốn đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg.

## **Điều 4. Tiêu chí, hệ số và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã**

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã

a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 1;

b) Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã An toàn khu, xã biên giới: Hệ số 50;

c) Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 40;

d) Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 30.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại khoản này thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

2. Tiêu chí, hệ số ưu tiên cho các xã thuộc đối tượng ưu tiên

a) Ưu tiên hỗ trợ xã An toàn khu, xã biên giới là xã khu vực III: Hệ số 5.

b) Ưu tiên hỗ trợ các xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (*áp dụng phân bổ cho tất cả các năm trong giai đoạn 2026 - 2030*), cụ thể:

- Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 5;

- Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 10;

- Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 15.

3. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã

a) Xác định tổng điểm theo tiêu chí phân bổ của từng xã

- Đối với xã thuộc khu vực III:  $T_i = (1 \times TDK_i) + 50 + H_i$ ;

- Đối với xã thuộc khu vực II:  $T_i = (1 \times TDK_i) + 40 + H_i$ ;

- Đối với xã thuộc khu vực I:  $T_i = (1 \times TDK_i) + 30 + H_i$ .

Trong đó:

-  $T_i$ : Tổng điểm phân bổ của xã  $i$ ;

-  $TDK_i$ : Số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của xã  $i$ ;

-  $H_i$ : Tổng hệ số ưu tiên của xã  $i$ , được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Xác định tổng điểm phân bổ của toàn tỉnh

Tổng điểm phân bổ của toàn tỉnh được xác định như sau:

$$T_{TT} = \sum_{i=1}^n T_i$$

Trong đó:

-  $T_{TT}$ : Tổng điểm phân bổ của toàn tỉnh;

-  $n$ : Tổng số xã được phân bổ ngân sách trung ương;

-  $T_i$ : Tổng điểm phân bổ của xã  $i$ ;

-  $i$ : Xã  $i$ .

c) Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ

Giá trị của một (01) điểm phân bổ được xác định như sau:

$$G = \frac{V_{pb}}{T_{TT}}$$

Trong đó:

- G: Giá trị của một (01) điểm phân bổ (đồng/điểm);
- $V_{pb}$ : Tổng vốn ngân sách trung ương bố trí để phân bổ cho các xã thực hiện Chương trình;
- $T_{TT}$ : Tổng điểm phân bổ của toàn tỉnh.

d) Xác định mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng xã

Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã i được xác định như sau:

$$V_i = T_i \times G$$

Trong đó:

- $V_i$ : Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã i;
- $T_i$ : Tổng điểm phân bổ của xã i;
- G: Giá trị của một (01) điểm phân bổ.

#### 4. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã

a) Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền giao giai đoạn 2026 - 2030 và hàng năm; nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết này; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương chi tiết theo từng hợp phần và các dự án thuộc từng hợp phần để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

b) Căn cứ Nghị quyết phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết đến từng nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi và danh mục dự án đầu tư công của Chương trình thuộc phạm vi cấp xã quản lý đảm bảo ưu tiên hoàn thành các mục tiêu của Chương trình trong giai đoạn và hàng năm; việc bố trí, sử dụng vốn phải đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, không trùng lặp với các chương trình, dự án khác và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

#### 5. Căn cứ xác định số liệu

a) Số lượng thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi căn cứ theo Quyết định số 60/QĐ-BD TTG của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 và Quyết định số 50/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Số lượng xã biên giới căn cứ theo Phụ lục I kèm theo Nghị định số 299/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.

c) Số lượng xã An toàn khu theo quy định tại Quyết định số 1733/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc công nhận xã An toàn khu hình thành sau sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

### **Điều 5. Tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**

1. Tiêu chí phân bổ: Việc phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh căn cứ vào các tiêu chí:

a) Nhiệm vụ của Chương trình do cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khối lượng nhiệm vụ, nhu cầu vốn thực hiện; nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng thực hiện của cơ quan, đơn vị.

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của các cơ quan, đơn vị trong giai đoạn 2021 - 2025 hoặc năm 2025.

#### **2. Định mức phân bổ**

Căn cứ vào tổng mức vốn ngân sách trung ương của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ quy định tại Nghị quyết này để phân bổ cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; mức phân bổ theo đề xuất nhu cầu thực tế nhưng tối đa không quá 10% (bao gồm vốn đầu tư và kinh phí thường xuyên) kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

### **Điều 6. Phân bổ vốn đối ứng ngân sách của địa phương**

1. Ngân sách địa phương và các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình không sử dụng vốn ngân sách trung ương, trong đó ưu tiên:

a) Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (ngoài nguồn vốn ngân sách trung ương đã được hỗ trợ cho xã theo tiêu chí, hệ số, định mức quy định tại Điều 4 Nghị quyết này).

b) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên hỗ trợ thôn đặc biệt khó khăn thuộc phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

c) Căn cứ vào đề xuất, nhu cầu của các địa phương, ngân sách tỉnh bố trí đảm bảo nhu cầu kinh phí để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Ngoài nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương cân đối, bố trí và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình, đảm bảo hoàn thành mục tiêu, kế hoạch hằng năm và của giai đoạn 2026 - 2030.

## **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế:

a) Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

b) Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XX, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026./.*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hầu Minh Lợi**

